TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 12 năm 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Kiệm,
2. Bà Vũ Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 29/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Anh Hà Hoàng H2, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh H2 đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới thì chị và anh H2 về chung sống với nhau ngay tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau nên không bảo ban được nhau trong việc chăm sóc gia đình và phát triển kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần cùng nói chuyện, hoà giải bất đồng với nhau nhưng đều không có kết quả.

Khi vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, đến tháng 3 năm 2019 âm lịch thì vợ chồng ly thân, chị đã về bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H2 nữa, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị và anh H2 có 02 con chung là Hà Trần Thanh N, sinh ngày 18/6/2013 và Hà Anh Q, sinh ngày 13/6/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Trần Thanh N, còn cháu Hà Anh Q thì chị đồng ý để anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị đang có công việc thu nhập ổn định đủ đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Hoàng H2 trình bày:

Anh và chị H đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới thì anh và chị H về chung sống với nhau ngay tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Anh xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 4/2019 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Hà Trần Thanh N, sinh ngày 18/6/2013 và Hà Anh Q, sinh ngày 13/6/2015. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Còn nếu chị H muốn nuôi con thì anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh đang có công việc thu nhập ổn định đủ đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và trình bày bổ sung: Hiện tại chị H đang làm việc tại Bắc Giang, thu nhập hàng tháng là từ 06 đến 07 triệu/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

+ Chị Trần Thị H được ly hôn anh Hà Hoàng H2.

+ Về con chung: Giao con chung Hà Trần Thanh N, sinh ngày 18/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Hà Anh Q, sinh ngày 13/6/2015 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh H2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh H2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H2 kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị H, anh H2 thì cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, từ lâu đã không chung sống với nhau và cả chị H, anh H2 đều nhất trí ly hôn. Có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H2 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh H2.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh H2 có 02 con chung là Hà Trần Thanh N, sinh ngày 18/6/2013 và Hà Anh Q, sinh ngày 13/6/2015. Anh H2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên, cả hai người đều có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con và đều có nguyện vọng nuôi con. Do vậy, giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N nên giao cháu Ngân cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Cháu Q hiện vẫn đang sinh sống cùng anh H2, phát triển khoẻ mạnh bình thường nên cần giao cháu Q cho anh H2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Hà Hoàng H2.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Trần Thanh N, sinh ngày 18/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Hà Anh Q, sinh ngày 13/6/2015 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2018/0005513 ngày 13/6/2019. Xác nhận chị H đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã T,
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Khiết